

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 52 /2025/HSST
Ngày: 15/01/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ

Bà Nguyễn Thị Phú

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Nam Khánh – Thư ký TAND thị xã Quế Võ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ tham gia phiên toà:**
Ông Đoàn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Mai Chí T, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không

HKTT: thôn Đ, xã Đ, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Mai Văn Th và bà Trần Thị H; vợ: Đỗ Thị L (đã ly hôn); con: có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

- Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1984. Tên gọi khác: Không.

HKTT: thôn T, xã Đ, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Phạm Thị L; vợ: Cao Thị

T (đã ly hôn); con: có 02 con đều sinh năm 2006; gia đình có 03 anh, em; bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2013/HSST ngày 22/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang bị cáo bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Văn S, sinh năm 1993. Tên gọi khác: Không.

HKTT: thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Xuân B và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: chưa có; gia đình có 04 anh, chị, em; bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

** Điều tra viên tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Ch- Điều tra viên và ông Nguyễn Văn Phương- Cán bộ thuộc cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 10 phút ngày 01/7/2024, tại phòng 06 tầng 02 quán karaoke Gold Club thuộc thôn Thành Dền, xã Đào Viên, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh do Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 1985, HKTT: Thôn Đ, xã Đ, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh làm chủ, thuê **Vũ Văn S**, sinh năm 1993, HKTT: Thôn L, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái làm quản lý quán Công an thị xã Quế Võ phối hợp với Công an xã Đào Viên kiểm tra bắt quả tang phát hiện 06 đối tượng gồm: **Mai Chí T**, sinh năm 1989 và **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1989, cùng HKTT: Thôn Đ, xã Đ, thị

xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1984, HKTT: Thôn T, xã Đ, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; **Hoàng Thị L**, sinh năm 1994, HKTT: Thôn Đ, xã M, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; **Trần Thị Diệu L1**, sinh năm 2001, HKTT: Thôn B, xã Nh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương và **Trương Thị D**, sinh ngày 13/8/2010, HKTT: Bản Ch, xã Ph, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Phát hiện và thu giữ:

- Tại mặt ghế sofa trong phòng hát: Thu 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, trên mặt đĩa có 01 căn cước công dân số 027084007351 mang tên Nguyễn Văn Tr và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng được quấn hình ống hút đều bám dính chất bột màu trắng niêm phong trong 01 hộp giấy.

- Thu giữ tại nền phòng hát 01 túi nilong màu trắng bên trong có bám dính chất bột màu trắng niêm phong vào 01 phong bì thư;

Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng, sau đó đưa các đối tượng về cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ để giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Mai Chí T, Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Văn S đã khai nhận hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại phòng 06 tầng 02 quán karaoke Gold Club ngày 01/7/2024. Tiến hành test chất ma túy đối với các đối tượng trên thể hiện: Mai Chí T, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn B, Hoàng Thị L, Trần Thị Diệu L1 đều dương tính với chất ma túy Ketamine; Trương Thị D âm tính với ma túy.

Trên cơ sở Quyết định trưng cầu giám định chất ma túy của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ, tại bản Kết luận giám định số 1617 /KL-KTHS ngày 04/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

*"- Chất bột màu trắng bám dính trên đĩa sứ, thẻ căn cước công dân và tờ tiền (niêm phong trong hộp giấy) gửi giám định là ma túy; Loại ma túy **Ketamine**; không xác định được khối lượng.*

*- Chất bột màu trắng bám dính trong túi nilong màu trắng (niêm phong trong bì thư) gửi giám định là ma túy; Loại ma túy **Ketamine**; không xác định được khối lượng.*

Ketamine là chất ma túy được quy định tại Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất.”

Căn cứ vào lời khai của các bị can và chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án xác định:

Khoảng hơn 17 giờ, ngày 01/7/2024, Mai Chí T đi uống bia tại thôn Đ, xã Đ, thị xã Quế Võ thì gặp Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Tr (là bạn quen biết ngoài xã hội của T) nên T ngồi uống bia cùng Tr và Biên. Khi đang ngồi uống bia thì cả nhóm rủ nhau đến quán Karaoke Gold Club thuộc thôn Thành Dền, xã Đào Viên, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh để hát Karaoke. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, T, Tr và B đến quán Karaoke Gold Club gặp Vũ Văn S đang đứng tại quầy tầng 01, T đặt vấn đề thuê phòng hát và nhờ S gọi 03 nhân viên nữ lên phục vụ hát thì S đồng ý. Sau đó, S bảo T, Tr và B lên phòng hát số 06 tầng 02 của quán đồng thời bảo Hoàng Thị L, Trần Thị Diệu L1 và Trương Thị D là nhân viên quán lên phục vụ hát. Quá trình hát, T có nhu cầu sử dụng ma túy nên đã rủ Tr và B cùng sử dụng ma túy, Tr và B đều đồng ý. Lúc này, T đi xuống quầy lễ tân gặp S và lấy 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng. S biết T lấy đĩa sứ lên phòng để làm công cụ sử dụng ma túy nhưng không ngăn cản (mục đích để sau đó sẽ thu tiền phòng hát với giá cao 400.000 đồng/ giờ). Sau khi T mang đĩa sứ lên phòng, T đi xuống khu vực đối diện quán Karaoke Gold Club gặp 01 người đàn ông tên T1 (T không biết địa chỉ cụ thể ở đâu) mua 02 chỉ ma túy Ketamine được đựng bên trong 01 túi nilong màu trắng, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng với giá 3.200.000 đồng. Sau khi có ma túy, T đi lên phòng hát bỏ túi ma túy vừa mua được đổ ma túy Ketamine ra đĩa sứ, vứt vỏ túi nilong xuống nền phòng hát và bảo Tr đưa 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, và 01 thẻ căn cước công dân số 027084007351 mang tên Nguyễn Văn Tr, để làm công cụ sử dụng ma túy. Sau đó, T dùng thẻ căn cước nghiền nhỏ số ma túy Ketamine trên đĩa, chia thành các đường thẳng và lấy ống hút được quán bằng tờ tiền 100.000 đồng hít ma túy trên đĩa sứ vào mũi. Sau đó, T cầm đĩa sứ chứa ma túy đi mời mọi người trong phòng thì Tr, B, L và L1 có sử dụng ma túy còn D không sử dụng ma túy. Đến khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, Khi các đối tượng đã sử dụng ma túy và cùng ngồi nghe nhạc thì Công an thị xã Quế Võ phối hợp với Công an xã Đào Viên kiểm tra bắt quả tang và lập biên bản, thu giữ vật chứng như đã nêu ở trên.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Mai Chí T và Vũ Văn S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu. Bị cáo Nguyễn Văn Tr quá trình điều tra ban đầu nhận tội và khai nội dung phù hợp như trên, tuy nhiên sau đó không thừa nhận hành vi phạm tội, thay đổi lời khai cho rằng:

B và T cùng rủ Tr và mọi người sử dụng ma túy tại phòng hát. B là người mượn thẻ căn cước công dân và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng của Tr để làm dụng cụ sử dụng ma túy, B là người trực tiếp "xào" ma túy Ketamine đưa cho 01 nhân viên nữ đi mời mọi người sử dụng ma túy. Tr không sử dụng ma túy, khi nữ nhân viên mời Tr sử dụng ma túy thì Tr có bảo "Anh say lắm rồi, em dùng hết đi" và nhân viên đó sử dụng hết ma túy còn lại trên đĩa.

Ngày 25/10/2024, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ đã tiến hành cho bị cáo Nguyễn Văn Tr đối chất với Nguyễn Văn B và bị cáo Mai Chí T. Quá trình đối chất bị cáo Tr giữ nguyên lời khai đã thay đổi sau này; Bị cáo T và người liên quan là Anh B giữ nguyên nội dung lời khai ban đầu không có thay đổi gì.

Vật chứng của vụ án:

- Vật chứng còn lại: 01 hộp giấy được dán kín, niêm phong theo quy định, có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh. Bên trong hộp giấy có: Vỏ đựng mẫu vật và 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 thẻ căn cước công dân số 027084007351 mang tên Nguyễn Văn Tr; tờ tiền 100.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 189/CT-VKSQV ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ đã truy tố các bị cáo Mai Chí T, Nguyễn Văn Tr và Vũ Văn S về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo T, S đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo T thừa nhận chính bị cáo là người đã rủ rê Tr, B dùng ma túy, bị cáo là người trực tiếp bỏ tiền ra mua ma túy trước về để cùng Tr, B sử dụng sau đó sẽ chia tiền Tr và B sẽ trả lại bị cáo. Bị cáo T thừa nhận bị cá là người hỏi mượn thẻ Căn cước công dân và tờ tiền 100.000 đồng của Tr để trực tiếp xào ma túy để cho Tr, B và nhân viên nữ dùng ma túy. Khi hỏi mượn Tr thẻ Căn cước công dân và tờ tiền 100.000 đồng thì được Tr đồng ý cho mượn, Tr cũng biết được việc bị cáo mượn thẻ Căn cước

công dân và tờ tiền 100.000 đồng để xào ma túy, Tr cũng dùng ma túy do bị cáo xào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Nguyễn Văn B trình bày do bị cáo T là người rủ rê bị cáo dùng ma túy, cũng là người đi mua ma túy và T là người hỏi mượn thẻ Căn cước công dân và tờ tiền 100.000 đồng của Tr để trực tiếp xào ma túy. Khi T hỏi mượn thẻ Căn cước công dân và tờ tiền 100.000 đồng của Tr thì Tr đồng ý cho mượn, Tr cũng có dùng ma túy cùng mọi người trong phòng hát. Anh B đề nghị giải quyết theo quy định và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với bị cáo Tr không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo cho rằng bản thân không phạm tội, quá trình lấy lời khai ban đầu bị cáo đã bị Điều tra viên ép cung phải khai nhận hành vi phạm tội nếu không sẽ bị đánh, khi ghi âm ghi hình bị cáo trong quá trình lấy lời khai thì bị cáo cũng đã bị Điều tra viên hướng dẫn phải khai nhận tội. Bị cáo cũng không thừa nhận việc mình được cán bộ Công an test nước tiểu khi bị kiểm tra. Bị cáo khai B là người mượn thẻ Căn cước công dân của bị cáo và tờ tiền 100.000 đồng của bị cáo để xào ke và đưa cho nhân viên nữ đi mời những người trong phòng hát dùng ma túy, bị cáo **không hề dùng ma túy. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho việc bị cáo bị Điều tra viên ép cung, bị cáo cũng thừa nhận khi T rủ bị cáo và Anh B sử dụng ma túy thì bị cáo đồng ý, sau khi sự việc bị cơ quan Công an bắt quả tang thì bị cáo** đã được tự tay viết bản tường trình sự việc và cũng có ký vào biên bản thử nước tiểu ngày 02/7/2024.

Ông Phạm Ngọc Ch- Điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Quế Võ và ông Nguyễn Văn Phương- Cán bộ thuộc cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh có mặt tại phiên tòa trình bày: Quá trình điều tra, lấy lời khai của các bị cáo đều đảm bảo tuân thủ đúng Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với bị cáo Tr ban đầu thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nhưng sau đó đã thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội của mình thể hiện bị cáo không ăn năn, hối cải. Lời khai ban đầu khi sự việc được cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, tự bị cáo đã được viết bản tường trình và đều thành khẩn nhận tội, quá trình điều tra điều tra viên không hề có hành vi, lời nói nào ép cung bị cáo phải khai như thế nào. Và khi phát hiện sự việc cơ quan công an đã tiến hành test nước tiểu đối với tất cả những người có liên quan và đều thể hiện bằng biên bản kiểm tra, các bị cáo đều được đọc và ký tên, đồng thời cũng có chữ ký đầy đủ của những người liên quan chứng kiến. Do vậy việc bị cáo Tr trình bày như vậy thể hiện bị cáo quanh co, chối tội gây khó khăn cho

quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Mai Chí T, Nguyễn Văn Tr, Vũ Văn S phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và đề nghị:

*** Về Hình phạt:**

+ Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo S); Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Mai Chí T từ 07 năm 05 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn S từ 07 năm 04 tháng đến 07 năm 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

+ Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr từ 07 năm 05 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

*** Về xử lý vật chứng của vụ án:** Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị HĐXX:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định và 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng được niêm phong trong 01 hộp giấy được dán kín, niêm phong theo quy định, có dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Tr 01 Căn cước công dân số 027084007351 mang tên Nguyễn Văn Tr.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo T, S đều nhận tội và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để

sớm trở về gia đình và xã hội. Bị cáo Tr cho rằng bị cáo không có tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Quế Võ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, S không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo Tr cho rằng bị cáo bị Điều tra viên ép cung trong quá trình lấy lời khai, bị cáo thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên bị cáo không đưa ra được căn cứ nào chứng minh mình bị ép cung hoặc bị định hướng khai nhận tội. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với biên bản kiểm tra hành chính; phù hợp với thời gian, địa điểm, tang vật thu được tại hiện trường, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai ban đầu của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định được:

Hồi 23 giờ 10 phút ngày 01/7/2024, tại phòng 06 tầng 02 quán karaoke Gold club thuộc thôn Thành Dền, xã Đào Viên, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Công an thị xã Quế Võ phối hợp với Công an xã Đào Viên bắt quả tang đối tượng **Mai Chí T** đã có hành vi thuê hát, mua ma túy 02 chỉ ma túy Ketamine với giá 3.200.000 đồng mang về phòng hát và tiến hành "xào" ma túy Ketamine. Nguyễn Văn Tr và có hành vi cho bị cáo T mượn 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 01 căn cước công dân của Tr để làm công cụ sử dụng ma túy. Vũ Văn S là quản lý quán có vai trò giúp sức khi thấy bị cáo T xuống lấy 01 đĩa sứ để làm công cụ sử dụng ma túy S đã không ngăn cản và tiếp tục cho T và Tr tổ chức cho các đối tượng Nguyễn Văn B, Hoàng Thị L, Trần Thị Diệu L1 cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Khi bị bắt quả tang các đối tượng đã sử dụng hết khối lượng ma túy. Vật chứng thu giữ 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 01 túi nilon màu trắng bên trong đều có bám dính chất bột màu trắng tại

kết luận giám định số 617 /KL-KTHS ngày 04/7/2024 kết luận là ma túy **Ketamine** và không xác định được khối lượng.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội. Tệ nạn ma túy làm ảnh hưởng đến các chính sách phát triển kinh tế, xã hội của Nhà nước; việc đấu tranh với các tội phạm về ma túy hiện nay là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách để bài trừ tệ nạn này. Bất chấp sự ngăn cấm của pháp luật, các bị cáo đã có hành vi tổ chức cho bản thân và các đối tượng khác sử dụng trái phép chất ma túy và hành vi mua bán trái phép chất ma túy để kiếm lời. Hành vi của các bị cáo đã tiếp tay làm gia tăng tệ nạn ma túy trên địa bàn thị xã Quế Võ. Chính vì vậy phải đưa ra xét xử các bị cáo kịp thời và có hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét vai trò và hình phạt đối với các bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự phân công phân nhiệm hay câu kết chặt chẽ, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý thực hiện chung một loại tội phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê cũng là người liên hệ bỏ tiền ra trước để mua ma túy, sau đó chia với Tr, B cùng nhau sử dụng ma túy. Sau khi mua được ma túy, T đã mượn 01 thẻ căn cước công dân và tờ tiền 100.000 đồng của Tr để trực tiếp xào ma túy cho các đối tượng khác sử dụng.

Mặc dù, bị cáo Tr cho rằng B là người mượn thẻ căn cước công dân và tờ tiền 100.000 đồng của mình để xào ke, tuy nhiên bị cáo T và Anh B đều khai chính T là người hỏi mượn Tr thẻ căn cước công dân và tờ tiền 100.000 đồng để T xào ma túy ke cho các đối tượng cùng nhau sử dụng. Lời khai ban đầu tại cơ quan điều tra thì Tr cũng thừa nhận do T là người khởi xướng, là người mượn thẻ căn cước công dân và tờ tiền 100.000 đồng của mình để trực tiếp xào ma túy ke cho các đối tượng cùng sử dụng. Do vậy, có thể khẳng định việc bị cáo Tr thay đổi lời khai thể hiện sự quanh co, không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Qua lời khai của các bị cáo, của người liên quan, lời khai ban đầu của bị cáo Tr, biên bản đối chất và các tài liệu trong hồ sơ có thể khẳng định bị cáo Tr

mặc dù biết bị cáo T hời mượn Căn cước công dân và tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng mục đích để xạo ma túy ke cho các đối tượng cùng nhau sử dụng nhưng đã đồng ý cho T mượn thẻ căn cước công dân và tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng của mình để T xạo ma túy ke và chia ma túy để các đối tượng cùng sử dụng, bị cáo cũng tiếp thu ý chỉ ngay từ ban đầu khi bị cáo T rủ bị cáo cùng Biên sử dụng ma túy. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tr có vai trò đồng phạm, giúp sức T trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo S là người quản lý quán karaoke mặc dù biết T lấy đĩa sứ để tổ chức sử dụng ma túy nhưng vẫn đồng ý cho T mượn đĩa sứ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời cho thuê phòng để T cùng các đối tượng khác sử dụng ma túy để thu giá phòng cao hơn.

Do vậy, trong vụ án này T có vai trò đầu, Tr và S là người có vai trò giúp sức tích cực cho T trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

- *Nhân thân*: Các bị cáo T, S là người có nhân thân tốt. Bị cáo Tr có nhân thân xấu về tội trộm cắp tài sản.

- *Tình tiết tăng nặng TNHS*: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng TNHS.

- *Tình tiết giảm nhẹ TNHS*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo T, S đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51.

Bị cáo S có ông nội là ông Vũ Xuân Dung được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và bà nội là bà Nguyễn Thị Liên được nhà nước cấp chứng nhận tham gia dân công hỏa T1 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Tr quanh co chối tội, không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ nào.

[5] Về hình phạt đối với các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng do đó cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ TNHS của các bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo. Căn cứ vai trò, tính chất, mức độ

phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thì thấy bị cáo T với vai trò khởi xướng, rủ rê; bị cáo Tr, S phạm tội với vai trò giúp sức

Bị cáo T là người khởi xướng rủ rê, bị cáo Tr mặc dù với vai trò giúp sức nhưng không thành khẩn khai nhận, hơn nữa Tr là người có nhân thân xấu. Do vậy bị cáo T, Tr phải chịu mức hình phạt ngang nhau. Bị cáo S chịu hình phạt thấp hơn so với hình phạt của bị cáo T, bị cáo Tr.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, khó thi hành hình phạt bổ sung. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với mẫu vật còn lại sau giám định và 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng được niêm phong trong 01 hộp giấy được dán kín, niêm phong theo quy định có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh là vật cấm và ít giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 Căn cước công dân số 027084007351 mang tên Nguyễn Văn Tr là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên cần trả lại bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Liên quan trong vụ án:

- Đối với Nguyễn Văn B, Hoàng Thị L, Trần Thị Diệu L1 đều được T mời sử dụng ma túy, không tham gia vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thị xã Quế Võ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 1.500.000 đồng) đối với B, L và L1 về hành sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định pháp luật.

- Đối với Trương Thị D không sử dụng ma túy, không tham gia vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ không xử lý hình sự là phù hợp.

- Đối với người đàn ông tên T1 đã bán ma túy cho T. Quá trình điều tra xác định T không biết địa chỉ của T1 nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ tiếp tục điều tra xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với anh Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 1985, HKTT: Thôn Đ, xã Đ, thị xã Quế Võ là chủ quán karaoke GOLD CLUB không biết việc Vũ Văn S đã cho các đối tượng thuê phòng hát để sử dụng ma túy nhưng đã buông lỏng quản lý dẫn đến các đối tượng sử dụng ma túy tại quán nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ đã có văn bản đề nghị Chủ tịch UBND thị xã Quế Võ ra Quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Mai Chí T, Nguyễn Văn Tr, Vũ Văn S phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo S); Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Mai Chí T 07 (bảy) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/7/2024.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn S 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/7/2024.

+ Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 07 (bảy) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/7/2024.

Quyết định tạm giam các bị cáo, mỗi bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bảo đảm việc thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định và 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng được niêm phong trong 01 hộp giấy được dán kín, niêm phong theo quy định có dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Tr 01 Căn cước công dân số 027084007351 mang tên Nguyễn Văn Tr.

(Các vật chứng và số tiền nêu trên theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 27 ngày 22/11/2024 của Công an thị xã Quế Võ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo T, Tr, S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKS, CA, Chi cục THADS thị xã Quế Võ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- Các Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Xuân Nhân

